

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ước

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát Viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/12/2022 và các lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn chị C trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Quang T từ giữa năm 2010 nhưng đến ngày 17/01/2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ cuối năm 2016 và trở nên trầm trọng từ cuối năm 2022 đến nay, nguyên nhân do phong

cách sống không phù hợp, anh T thường xuyên chơi bời, không cùng chị chia sẻ thực hiện công Việc trong gia đình, vợ chồng nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân nhiều lần, **lần sau cùng là** chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở **từ cuối tháng 11 năm 2022 đến nay**, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh Nguyễn Quang T.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/7/2011 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 26/02/2016, hiện đang do anh T nuôi dưỡng, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của con. Chị nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/12/2022: Thống nhất với chị C về thời gian điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 11/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị C không biết cách đối nhân xử thế, không cùng anh chia sẻ thực hiện công Việc trong gia đình. Chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 11/2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh đồng ý ly hôn chị C.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/7/2011 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 26/02/2016, hiện đang do anh nuôi dưỡng, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của con. Anh yêu cầu chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra Việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/7/2011 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 26/02/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị C xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Anh T đang cư trú tại thôn T, xã H, huyện K; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về Việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, K ngày 17/01/2012. Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T được xác định là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không cùng nhau chia sẻ thực hiện công Việc trong gia đình, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra đánh cãi mắng nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân

hiều lần, lần sau cùng chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 11 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Xét hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C được ly hôn anh T là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/7/2011 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 26/02/2016, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Anh chị đều đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay anh T đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con tốt. Mặt khác, nguyện vọng của cháu H, cháu V đều muốn được ở với anh T. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu H và cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị C nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp, được chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/7/2011 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 26/02/2016 cho anh Nguyễn Quang T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng); thời gian từ tháng 3 năm 2023 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng cho con, chị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ T hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001449 ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Hoàng Thị C còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong T hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngà

